

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN-LẦN 2
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024
(ÁP DỤNG CHO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH)

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán quản trị		
Mã học phần:	71ACCT30042	Số tin chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	232-71ACCT30042-02		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân loại được các loại chi phí trong doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định kế toán quản trị	Trắc Nghiệm	25%	Câu 6,7,8,9,10	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI3.1
CLO2	Vận dụng mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận vào từng trường hợp cụ thể.	Trắc Nghiệm	10%	Câu 11,12,13,14,15	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI3.1
CLO3	Lập được báo cáo kết quả kinh doanh dưới dạng số dư đảm phí, báo cáo về dự toán ngân sách phục vụ ra	Trắc Nghiệm	20%	Câu 16,17,18,19,20	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI3.1
		Tự luận	40%	Câu 21	3 điểm	PI3.1

	quyết định quản trị một cách độc lập.					
CLO5	Thích ứng với định hướng học tập suốt đời	Trắc Nghiệm	5%	Câu 1,2,3,4,5	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI9.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM 20 câu (7 điểm- 0.35điểm/câu)

Câu 1

Điều nào sau đây đúng về kế toán quản trị:

- A. Cung cấp thông tin cho các giám đốc điều hành để phục vụ cho việc ra quyết định
- B. báo cáo kế toán quản trị thường là báo cáo tổng hợp, được lập cho phạm vi toàn doanh nghiệp
- C. cung cấp thông tin với độ chính xác tuyệt đối
- D. cung cấp các thông tin bắt buộc phải có trong các báo cáo vào hàng quý hoặc hàng năm tại doanh nghiệp

ANSWER: A

Câu 2:

Điểm nào sau đây là đặc điểm của báo cáo Kế toán quản trị

- A. Báo cáo hướng về tương lai
- B. Báo cáo được lập ra theo yêu cầu cơ quan thuế
- C. Thông tin được cung cấp với độ chính xác tuyệt đối
- D. Báo cáo được cung cấp cho tất cả các đối tượng cần dùng

ANSWER: A

Câu 3

Đặc điểm nào trong các đặc điểm dưới đây là đặc điểm của hệ thống báo cáo KTQT?

- A. Không có những nguyên tắc bắt buộc phải tuân thủ
- B. Là các báo cáo tổng hợp có phạm vi toàn bộ tổ chức
- C. Có tính lịch sử
- D. Đối tượng sử dụng là cổ đông, chủ nợ và cơ quan thuế

ANSWER: A

Câu 4

Chức năng nào trong các chức năng dưới đây không là chức năng của hệ thống KTQT?

- A. Lập báo cáo tài chính công bố cho cơ quan thuế
- B. Tính chi phí sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
- C. Kiểm soát quản lý
- D. Kiểm soát điều hành

ANSWER: A

Câu 5:

Người nào sau đây có khả năng nhiều nhất **CHỈ** sử dụng thông tin kế toán tài chính:

- A. đối thủ cạnh tranh hiện tại
- B. giám sát nhà máy
- C. phó chủ tịch điều hành
- D. trưởng phòng từng bộ phận

ANSWER: A

Câu 6

Công ty A có số giờ máy và chi phí tiền điện thấp sáng và vận hành máy móc thiết bị của hai kỳ tiêu thụ lớn nhất và nhỏ nhất như sau:

Tháng	Số giờ máy (giờ)	Chi phí tiền điện (triệu đồng)
5	700	5.600
10	1.000	6.800

Sử dụng phương pháp cực đại cực tiểu, viết phương trình thể hiện mối quan hệ giữa số giờ máy và chi phí tiền điện

- A. Chi phí tiền điện = $4 \times \text{số giờ máy} + 2.800$ (triệu đồng)
- B. Chi phí tiền điện = $2.800 \times \text{số giờ máy} + 4$ (triệu đồng)
- C. Chi phí tiền điện = $2.800 + 0,4 \times \text{số giờ máy}$ (triệu đồng)
- D. Chi phí tiền điện = $2.800 \times \text{số giờ máy} + 40$ (triệu đồng)

ANSWER: A

Câu 7:

Chi phí thuê showroom trưng bày sản phẩm:

- A. Chi phí bán hàng
- B. Chi phí sản xuất chung
- C. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- D. Chi phí sản phẩm

ANSWER: A

Câu 8:

Chi phí khấu hao xe hơi của công ty dùng chở nhân viên đi công tác

- A. Định phí quản lý doanh nghiệp
- B. Định phí sản xuất chung
- C. Chi phí hỗn hợp
- D. Biến phí quản lý doanh nghiệp

ANSWER: A

Câu 9

Tại công ty ABC có các dữ liệu như sau:

Tổng chi phí	Tổng số lượng sản phẩm	
\$ 11.200	1.000	sản phẩm
\$ 12.260	1.200	sản phẩm
\$ 13.600	1.500	sản phẩm

Dùng phương pháp cực đại cực tiểu, hãy cho biết biến phí cho 1 sản phẩm là bao nhiêu?

- A. \$ 4,8/sản phẩm
- B. \$ 0.21/sản phẩm
- C. \$ 2,5/sản phẩm
- D. \$ 3,8/sản phẩm

ANSWER: A

Câu 10

Tại công ty ABC có các dữ liệu như sau:

Tổng chi phí	Tổng số lượng sản phẩm	
\$ 11.200	1.000	sản phẩm
\$ 12.260	1.200	sản phẩm
\$ 13.600	1.500	sản phẩm

Dùng phương pháp cực đại cực tiểu, hãy cho biết định phí trong kỳ là bao nhiêu?

- A. \$ 6.400
- B. \$ 2.400
- C. \$ 2.500
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 11

Với định phí là \$ 20.000 và biến phí cho 1 sản phẩm là \$8/sản phẩm và mỗi sản phẩm được bán với giá bán là \$12/sản phẩm.

Sản lượng bán để đạt được lợi nhuận là \$15.000

- A. 8.750 sản phẩm
- B. 5.000 sản phẩm
- C. 4.375 sản phẩm
- D. 3.750 sản phẩm

ANSWER: A

Câu 12

Doanh thu để đạt lợi nhuận mong muốn được xác định bằng cách lấy định phí cộng với lợi nhuận chia cho chỉ tiêu nào?

- A. Tỷ lệ số dư đảm phí
- B. Tỷ lệ số dư đảm phí đơn vị
- C. Số dư đảm phí đơn vị
- D. Biến phí đơn vị

ANSWER: A

Câu 13

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 40.000đ/sp, biến phí đơn vị là 15.000đ/sp và định phí hàng tháng là 75.000.000đ. Như vậy doanh thu hòa vốn cần đạt được trong tháng là:

- A. 120.000.000đ
- B. 3.000 sản phẩm
- C. 200.000.000đ
- D. 300.000.000đ

ANSWER: A

Câu 14

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 100.000đ/sp, biến phí đơn vị là 50.000đ/sp và định phí hàng tháng là 250.000.000đ, sản lượng tiêu thụ hiện tại là 8.000sp. Số dư an toàn về mặt sản lượng trong trường hợp này là?

- A. 3.000 sp
- B. 5.000 sp
- C. 2.500 sp
- D. 5.500 sp

ANSWER: A

Câu 15

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 8.000đ/sp, biến phí đơn vị là 5.000đ/sp và định phí hàng tháng là 15.000.000đ, Nếu công ty tiêu thụ tại mức sản lượng 10.000sp thì độ lớn đòn bẩy kinh doanh là:

- A. 2 lần
- B. 0,5 lần
- C. 1 lần
- D. 2.5 lần

ANSWER: A

Câu 16

Dự toán số lượng sản phẩm sản xuất được lập không dựa vào thông tin nào sau đây?

- A. Giá bán sản phẩm
- B. Tồn kho sản phẩm đầu kỳ
- C. Số lượng tiêu thụ trong kỳ
- D. Tồn kho sản phẩm cuối kỳ

ANSWER: A

Câu 17

Công ty A có số sản phẩm tồn kho đầu tháng 5 là 4.000sp, số lượng sản phẩm tiêu thụ dự kiến trong tháng là 25.000sp. Nhu cầu sản phẩm cần sản xuất trong tháng là bao nhiêu nếu nhu cầu tồn trữ cuối tháng bằng 20% nhu cầu tiêu thụ trong tháng?

- A. 26.000 sản phẩm
- B. 24.000 sản phẩm
- C. 25.000 sản phẩm
- D. 20.000 sản phẩm

ANSWER: A

Câu 18

Một công ty đang lập dự toán sản xuất cho sản phẩm A cho năm tới.

Thông tin được cung cấp như sau:

- + Đầu tháng trong kho có: 1.000 sản phẩm
- + Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng là: 2.600 sản phẩm
- + Số lượng sản phẩm bán được trong tháng là: 3.000 sản phẩm

Cuối tháng trong kho có:

- A. 600 sản phẩm
- B. 1.400 sản phẩm
- C. 400 sản phẩm
- D. 1.000 sản phẩm

ANSWER: A

Câu 19

Một công ty đang chuẩn bị lập dự toán bán hàng cho sản phẩm X cho năm tới. Số sản phẩm dự kiến bán được là 500 sản phẩm. Giá bán là \$12/sản phẩm. Doanh thu được thể hiện trong bảng dự toán bán hàng cho năm tới là:

- A. \$ 6.000
- B. \$ 500
- C. \$ 50
- D. \$ 600

ANSWER: A

Câu 20

Xem xét các dữ liệu sau đây trong tháng 5 tại 1 công ty:

- + Đầu kỳ: 200 sản phẩm
 - + Cuối kỳ: 400 sản phẩm
 - + Bán: 250 sản phẩm
 - + Một sản phẩm cần dùng: 3 kg nguyên vật liệu
 - + Công ty không tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ cho nguyên vật liệu
- Công ty cần mua bao nhiêu kg nguyên vật liệu để phục vụ cho việc sản xuất

- A. 1.350 kg
- B. 150 kg
- C. 450 kg
- D. 750 kg

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 21

Doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sản phẩm A có các số liệu trong tháng 3 như sau:

- Số lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ: 3.500 sản phẩm
- Giá bán: 40.000 đồng/sản phẩm (giá bán không thay đổi)
- Biến phí đơn vị: 30.000 đồng/sản phẩm

Định phí trong tháng: 30.000.000 đồng

Yêu cầu:

1. Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dưới dạng số dư đảm phí (đủ 3 cột: tổng, đv, %) tại mức tiêu thụ 3.500 sp. (1 điểm)

2. Công ty hiện dự kiến số lượng tiêu thụ của các tháng trong quý 2 như sau:

Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6
2.500	4.000	5.000

Công ty đang thực hiện chính sách thanh toán cho khách hàng với quy định chi tiết gồm: Thu ngay trong tháng bán hàng là 60%, 40% còn lại thu sau 1 tháng bán hàng. Doanh thu tháng 3 cũng được thu theo chính sách này. Hãy lập dự toán doanh thu/ tiêu thụ và dự toán thu tiền bán hàng của công ty trong quý 2. (2 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án				Thang điểm	Ghi chú	
I. Trắc nghiệm					7.0		
Câu 1 – 20					0.35/ câu		
II. Tự luận					3.0		
Nội dung 1		Tổng	Đơn vị	%	1		
	Doanh thu	140.000.000	40.000	100%			
	Biến phí	105.000.000	30.000	75%			
	Số dư đảm phí	35.000.000	10.000	25%			
	Định phí	30.000.000					
	Lợi nhuận	5.000.000					
Nội dung 2.	Dự toán tiêu thụ				1		
		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6			Tổng cả quý
	Số lượng bán	2.500	4.000	5.000			11.500
	Giá bán	40.000	40.000	40.000			40.000
	Doanh thu	100.000.000	160.000.000	200.000.000	460.000.000		
	Dự toán thu tiền				1		
		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6			Tổng cả quý
	Tồn đầu tháng	56.000.000					56.000.000
	Tháng 4						-
	60%*100.000.000	60.000.000					60.000.000
40%*100.000.000		40.000.000		40.000.000			
Tháng 5				-			
60%*160.000.000		96.000.000		96.000.000			
40%*160.000.000			64.000.000	64.000.000			
Tháng 6				-			
60%*200.000.000			120.000.000	120.000.000			
Tổng	116.000.000	136.000.000	184.000.000	436.000.000			
Điểm tổng					10.0		

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2024
Giảng viên ra đề

Người duyệt đề

TS.Lê Phan Thanh Hòa

Th.s Lê Như Hoa